

NGHỆ THUẬT SỬ DỤNG CÁC NGHĨA PHÁI SINH CỦA TÍNH TỪ ĐỂ TĂNG TÍNH HÌNH TƯỢNG VÀ BIỂU CẢM TRONG TIỂU THUYẾT “CHIẾN TRANH VÀ HÒA BÌNH” CỦA L. TÔLXTÔI

PGS. TS. Dương Quốc Cường

Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng

Tel: 0914 023 271

E-mail: cuonganh58@gmail.com

Tóm Tắt

Các dạng lời nói với việc sử dụng hình tượng - thẩm mỹ và nhận biết cảm xúc nghệ thuật là vấn đề được xác định là đa diện. L. Tôlxtoi sử dụng cực kỳ đa dạng các phương tiện diễn đạt và thể hiện lời nói trong thực tế sáng tác của mình. Trong toàn bộ kho tàng dạng thức lời nói “thể hiện nghệ thuật bằng lời và mô tả đời sống thực tế” trong các tác phẩm của L. Tôlxtoi, trong khuôn khổ của bài báo, chúng tôi chỉ nghiên cứu nghệ thuật sử dụng các nghĩa phái sinh của tính từ để tăng tính hình tượng và biểu cảm trong tiểu thuyết “Chiến tranh và hòa bình”, một tác phẩm chiếm vị trí trung tâm trong sáng tác của đại văn hào L. Tôlxtoi.

Формы речи в их образно – эстетическом использовании и эмоционально-художественном осмыслении – проблема определяющая широкий круг вопросов. Средства речевой выразительности и изобразительности, используемые Л. Толстым в его творческой практике, чрезвычайно многообразны. Одним из изобразительных средств, мастерски использованных Л. Толстым в романе «Война и мир», является атрибутивное употребление прилагательным в переносном качественном значении.

1. Đặt vấn đề

Một trong những yếu tố ngôn ngữ nhận thức sâu hơn về thế giới đó là hệ thống các phương tiện biểu hiện nghĩa bóng, nghĩa phái sinh của tính từ. Trong tác phẩm “Chiến tranh và hòa bình” việc sử dụng và tăng tính biểu cảm và tính hình tượng dựa vào việc sử dụng các nghĩa phái sinh - những khả năng biểu hiện những đơn vị ngôn ngữ này, đó là những thành tố của hệ thống ngôn ngữ văn học của thời đại. Trong tiểu thuyết “Chiến tranh và hòa bình” của mình L. Tôlxtoi đã mở rộng phạm vi sử dụng các chức năng lời nói những nghĩa phái sinh của tính từ trong ngôn ngữ văn học Nga để mô tả con người, sự vật và hiện tượng. Điều đó cho phép thực hiện trong văn bản văn học không chỉ chức năng tiếp nhận thông tin mà còn cả chức năng đánh giá hình tượng nghệ thuật, nó làm cho những cảm xúc thật hơn, có ý nghĩa hơn và phân định rõ hơn.

2. Nội dung

Đối với văn bản văn học, trong chừng mực có thể, vấn đề đa nghĩa gắn với sự cần thiết phải hiểu một nghĩa đơn lẻ đã được xác định của từ trong từng ngữ cảnh. Việc lựa chọn được

một phương án ngữ nghĩa từ vựng cụ thể là do không chỉ bằng cấu trúc nghĩa của từ, mà còn bằng phương thức thể hiện tư duy của nhà văn, bằng sự liên hệ của người đọc và các quá trình ngữ nghĩa hoá của ngôn ngữ thông dụng. Quan trọng nhất trong số các quá trình như thế là quá trình phát triển phạm trù chất lượng trong tiếng Nga. Đến giữa thế kỷ XIX, thời kỳ mà đại văn hào L. Tôlxôit sáng tác "Chiến tranh và hoà bình", quá trình đó đưa đến sự phát triển các ý nghĩa phụ chỉ phẩm chất ở một số lượng đáng kể tính từ quan hệ. Đại văn hào L. Tôlxôit rất tài tình sử dụng một trong những phương tiện miêu tả - đó là sử dụng thuộc ngữ tính từ với nghĩa bóng, nghĩa phái sinh chỉ phẩm chất trong nghĩa cơ bản của tính từ đó. Cách sử dụng như thế cho phép không chỉ thể hiện ý nghĩa cơ bản của tính từ trong nhận biết của người đọc, mà còn thiết lập được sự liên tưởng giữa sự vật được nêu đặc trưng bằng nghĩa bóng, nghĩa phái sinh và sự vật mà tính từ đó biểu đạt bằng nghĩa cơ bản.

Có thể xem ví dụ minh họa sau đây, tính từ *бешеный* có ba nghĩa:

- nghĩa thứ nhất: *bị bệnh điên;*
- nghĩa thứ hai: *phát khùng, phẫn nộ;*
- nghĩa thứ ba: *quá sức, quá căng thẳng.*

Trong câu sau đây tính từ *бешеный* được sử dụng với nghĩa thứ 2: "*Да, рассказов! - громко заговорил Ростов, вдруг сделавшимися бешеными глазами глядя то на Бориса, то на Болконского...*" [6, 310].

Việc sử dụng phương án từ vựng - ngữ nghĩa này được đa dạng hoá thêm bằng hoán dụ: *một phần - toàn bộ*: *бешеный человек - бешеные глаза* ("một bộ phận" của con người) *бешеный* (nghĩa thứ hai) *взгляд*, biểu hiện khởi nguồn nội tâm mạnh mẽ vừa là phương tiện ảnh hưởng tích cực đến người khác, thì liên tưởng gần với *бешеным ураганом* (nghĩa thứ ba: cơn cuồng phong dữ dội), *бешеным ветром* (cơ gió dữ dội) - gần với hiện tượng thiên nhiên. Như thế thì trong ý thức người đọc xuất hiện một liên kết nghĩa giữa thế giới nội tâm con người và sức mạnh thiên nhiên, điều đó cho phép nhà văn mô tả trạng thái cảm xúc của nhân vật một cách rõ ràng và chính xác.

Trong hàng loạt các trường hợp liên kết ngữ nghĩa giữa nghĩa phái sinh và nghĩa cơ bản của tính từ có trong tri nhận sự liên tưởng không phải giữa các sự vật mà giữa các dạng thức nghĩa hóa.

Dạng thức nghĩa hóa cố định ngay bên trong đoạn trích có trường độ khác nhau như: "*Пассаж оборвался на середине, послышался крик, тяжёлые ступни княжны Марьи и звуки поцелуев*" [6, 126]. Tính từ *тяжёлый* trong ngữ cảnh trên có nghĩa "*nặng nề, không thanh thoát*", nghĩa này có được do kết quả của sự chuyển hóa nghĩa từ nghĩa cơ bản "*trọng lượng nặng*". Nghĩa bóng, nghĩa phái sinh trên đây có tính đặc trưng bởi mức độ trừu tượng nhất định, ví dụ: *тяжёлый ум, тяжёлый слог*. Nghĩa bóng, nghĩa phái sinh trong ngữ cảnh này thuộc dạng thức âm thanh (nghe được). Còn trong ví dụ "*имеющий большой вес*" thì phương án từ vựng - ngữ nghĩa lại có thể thấy được. Sự liên tưởng giữa dạng thức âm thanh và dạng thức vật thể như kết quả liên kết ngữ nghĩa của nghĩa cơ bản và nghĩa bóng, nghĩa phái sinh của tính từ, là phương tiện tạo ra nét hình tượng rất đặc trưng: âm thanh của những bước đi nặng nề gợi lên trong đầu người đọc sự cảm nhận nặng nề về lý học, và nó đem lại cho ngữ nghĩa của câu tính tường minh và tính nổi trội.

Mối liên kết ngữ nghĩa giữa nghĩa cơ bản và nghĩa bóng, nghĩa phái sinh của tính từ còn có thể gợi lên trong nhận thức người đọc những liên tưởng giữa thế giới con người và thế giới thiên nhiên. Ví dụ như tính từ *светлый* có nghĩa cơ bản "sáng, có ánh sáng" và trong nghĩa bóng, nghĩa phái sinh thì gần hơn về mặt ngữ nghĩa đối với nghĩa cơ bản "sáng sủa" biểu thị thuộc tính lý học của sự vật và hiện tượng. Sự phát triển các phương án ngữ nghĩa của từ này dẫn đến sự xuất hiện các ý nghĩa biểu hiện trạng thái cảm xúc của con người "sung sướng, khoái chí", đánh giá những trí năng của anh ta "sáng dạ, tinh thông". Việc tạo ra những nghĩa này có thể là nhờ sự liên tưởng ánh sáng với bản chất đối lập và những trạng thái con người.

Văn bản văn học cho phép thực hiện liên kết ngữ nghĩa giữa nghĩa cơ bản và nghĩa phái sinh, nghĩa bóng của tính từ *светлый*: "*Кто говорил с ней и видел при каждом слове её светлую улыбочку и блестящие белые зубы, которые виднелись беспрестанно, тот думал, что он особенно нынче любезен*" [6, 12]. Trong nụ cười của công tước phu nhân dễ thương hàm chứa hai bình diện ngữ nghĩa: *светлая улыбочка* - nụ cười rạng rỡ là sự minh chứng trạng thái cảm xúc vui sướng và đồng thời nét đặc trưng này trong ngữ cảnh tạo ra nguyên nhân bên trong của nghĩa bóng, nghĩa phái sinh - khuôn mặt đang mỉm cười của công tước phu nhân dễ thương dường như ngời sáng từ trong ra. Có thể so sánh hình ảnh đó của nụ cười tỏa sáng từ cơ thể cô Elen trong câu sau: "*У неё все освещалось жизнерадостною, самодовольною, молодою неизменною улыбкой и необычайною античною красотой тела*" [6, 17-18].

Các mối liên tưởng giữa các dạng thức xuất hiện trong quá trình nhận biết tính từ *холодный* trong câu: "*Он схватил его за руку своею костлявою маленькою кистью, потряс её, взглянул прямо влицо сына своими быстрыми глазами, которые, как казалось, насквозь видели человека, и опять засмеялся холодным смехом*" [6, 142]. Nghĩa cơ bản của tính từ này là "lạnh, rét, lạnh lẽo" hiện diện mang tính liên tưởng trong câu trên gián tiếp thể hiện với nghĩa bóng, dạng thức nghe - thấy (thấy bởi vì nét mặt có vai trò nhất định trong nhận biết chất của tiếng cười) với nghĩa "thờ ơ, hờ hững" giao thoa ngữ nghĩa với nghĩa bóng, nghĩa phái sinh "phẩm định". Nghĩa bóng này có thể được thể hiện dưới dạng thức không những nghe được mà còn nhìn thấy được (*холодный взгляд* - cái nhìn lạnh lùng), đánh giá (*холодный прием* - sự tiếp đón lạnh nhạt), và các dạng thức khác.

Tuy nhiên trong ngữ cảnh rộng lớn hơn của toàn cảnh công tước Andrây chia tay người cha trong nghĩa của tính từ *холодный* còn hàm chứa một cấp độ nữa. Đáng lẽ ra *равнодушный, бесстрастный* - tiếng cười lạnh lùng - thuộc về con người lạnh lùng hoặc là biểu hiện những tình cảm lạnh lùng. Song Nicôlai Bônkônxki yêu quý và hiểu đứa con trai của mình: sự lạnh lùng của nó do tính hà khắc của nó tạo ra. Ví dụ: "*Только что князь Андрей вышел, дверь кабинета быстро отворилась и выглянула строгая фигура старика в белом халате*" [6, 144], nhưng không thờ ơ hoặc không thiện cảm. Cho nên hợp nhứt nhất tính từ *холодный* trong ví dụ trên nghĩa phải được xác định là "có vẻ như thờ ơ, nhạt nhẽo".

Các mối liên tưởng giữa nghĩa cơ bản và nghĩa bóng, nghĩa phái sinh của tính từ có thể dùng làm phương tiện tạo dựng tính biểu cảm, hình tượng. Tất cả các phương án từ vựng ngữ nghĩa đưa vào hệ thống ý nghĩa của tính từ, đồng thời vừa gắn kết với nghĩa cụ thể được lĩnh hội trong ngữ cảnh lời nói, với các liên kết hệ biến hoá, nó hiện diện vô hình trong nhận thức của người đọc, và đó là cội nguồn của mức độ căng dẫn hình tượng và sự đa diện nội tại của phát ngôn.

"Несколько раз Ростов, завертываясь с головой, хотел заснуть; но опять чье-нибудь замечание развлекало его, опять начинался разговор, и опять раздавался беспричинный, весёлый, детский хохот" [7, 65].

Tính từ *детский* ở đây được sử dụng với nghĩa bóng, nghĩa phái sinh "*chưa phải người lớn, chưa chín chắn, như con nít*". Nghĩa này có được là do kết quả chuyển hoá nghĩa từ nghĩa cơ bản "*thuộc về trẻ con*". Nghĩa bóng của tính từ *детский* bao hàm cả các nghĩa tố hàm ẩn tính biểu cảm "*эмоциональный*", "*непосредственный*", "*открытый*".

Để dàng khẳng định rằng trong câu trên tiếng cười hô hố vui vẻ, vô cớ như trẻ con của bọn sĩ quan không gợi lên trong ý thức sự nhìn nhận trực tiếp về trẻ em; tuy nhiên sự nhìn nhận về trẻ con xuất hiện trong ý thức người đọc khi tri nhận sự mô tả nhân vật Pie ở chương 1: "*У него, когда приходила улыбка, то вдруг, мгновенно исчезало серьёзное и даже несколько угрюмое лицо и являлось другое-детское, доброе, даже глуповатое и как бы просящее прощения*" [6, 28]. Tính từ *детский* được sử dụng trong câu này giống như câu trên, với nghĩa bóng, nghĩa phái sinh "*chưa phải người lớn, chưa chín chắn, như con nít*", song nghĩa đó xuất hiện là do kết quả của ngữ nghĩa hoá logic trực quan từ nghĩa cơ bản "*thuộc về trẻ con*". Tiếng cười như con nít của bọn sĩ quan làm nhớ tới tiếng cười của các cháu, nhưng tiếng cười này không hợp: bằng cách thức như thế ngôn ngữ xác định được sự tương đồng các cảm giác, nhưng không phải là những bản chất. Khi sử dụng tính từ *детский* để mô tả tính cách của Pie nhà văn làm cho người đọc thấy được rất thực đứa trẻ trong con người Pie.

Còn có một khả năng khác với những khả năng ở trên đó là khả năng hiện thực hoá ngữ nghĩa của nghĩa bóng, nghĩa phái sinh tính từ *детский* vào trong tình huống sử dụng nó với nghĩa đánh giá: "*Князь Андрей только пожал плечами на детские речи Пьера*" [6, 34]. Phương án ngữ nghĩa - từ vựng của tính từ này "*chưa chín chắn, còn non nớt*" là thành phần đối lập của sự đối lập đánh giá "*chín chắn - chưa chín chắn*". Sự đối lập này tạo ra một trong những thang độ quan trọng nhất của sự đánh giá con người về tâm lý - xã hội. Ngữ cảnh hiện thực hoá nghĩa tố "*chưa biết, chưa thành thực*" trong ý nghĩa chỉ phẩm chất của tính từ: "*Князь Андрей только пожал плечами ...*". Nghĩa bóng, nghĩa phái sinh vừa xem xét của tính từ *детский* là "*chưa phải người lớn, chưa chín chắn*" có khả năng có thêm tính chất "phụ gia": với sự hỗ trợ của tính chất này việc tự đánh giá thấp của nhân vật có thể được mô tả trong tình huống có "vấn đề" và những cảm xúc tiêu cực gắn liền với tình huống đó, ví dụ: "*И, оглянув комнату, он обратился к Ростову, которого положение детского непреодолимого конфуза, переходящего в озлобление, он и не удостоивал заметить*" [6, 310].

3. Kết luận

Phát triển phạm trù phẩm chất trong tiếng Nga cũng như tính từ quan hệ tạo được nghĩa chỉ phẩm chất làm đa dạng và phong phú phạm vi biểu hiện sự đánh giá phẩm chất thế giới bên trong và thế giới bên ngoài của tiếng Nga. Một trong những yếu tố nhận thức ngôn ngữ sâu hơn về thế giới đó là hệ thống các phương án biểu hiện và sử dụng nghĩa phái sinh của tính từ đa nghĩa. Liên kết ngữ nghĩa các thành phần của hệ thống đó cho phép nhận dạng trong quá trình nghiên cứu chuyên sâu, còn trong văn bản văn học - trực tiếp cảm nhận được hình tượng bên trong hòa tan vào trong nghĩa bóng, nghĩa phái sinh.

Trong tác phẩm "Chiến tranh và hòa bình" việc sử dụng nghĩa phái sinh của tính từ để

thể hiện và làm tăng tính chất biểu cảm và tính hình tượng dựa vào những khả năng biểu hiện những đơn vị ngôn ngữ này, đó là những thành tố của hệ thống ngôn ngữ văn học của thời đại. Bên cạnh đó với ảnh hưởng tiếng tăm lẫy lừng của cuốn tiểu thuyết "Chiến tranh và hòa bình" đã diễn ra việc mở rộng phạm vi sử dụng các chức năng lời nói những tính từ đa nghĩa trong ngôn ngữ văn học Nga. Việc sử dụng các nghĩa phái sinh chỉ phẩm chất của tính từ để mô tả con người, sự vật, hiện tượng cho phép thực hiện trong văn bản văn học không chỉ chức năng tiếp nhận thông tin mà còn cả chức năng đánh giá hình tượng nghệ thuật, nó làm cho những cảm xúc thật hơn, có ý nghĩa hơn và phân định rõ hơn. Nghiên cứu nghệ thuật sử dụng các nghĩa phái sinh của tính từ đa nghĩa sử dụng trong tác phẩm "Chiến tranh và hòa bình" đã giúp thấy được chiều rộng và tính tổng hợp các khả năng nghệ thuật của chúng và giúp hiểu rõ hơn vai trò các thành tố ngôn ngữ trong việc tạo dựng cấu trúc tư duy đa chiều của tác phẩm, thấu hiểu khả năng nhận thức thế giới của nhà văn được biểu thị bằng sự tác động đa diện của tư duy và các phương tiện biểu hiện nghệ thuật.

Tài Liệu THAM KH ẢO

1. Demxcaia E.A.(1962), Về những quá trình cơ bản cấu tạo từ tính từ trong ngôn ngữ văn học Nga thế kỷ XIX, *Những vấn đề ngôn ngữ*, No2, tr. 46 -55.
2. Ermina L.I.(1977), Thi pháp tâm lý của từ phái sinh (trên ngữ liệu các tác phẩm của L.Tônxtôi, No5, Tr. 97 – 109.
3. Hênhigxvalđ G.M.(1996), Đa nghĩa: quan điểm của nhà sử học, *Những vấn đề ngôn ngữ*, No5, tr. 3 - 6.
4. Ôzhegôp X.I.(1983), Từ điển tiếng Nga, Tái bản lần 14, NXB "Tiếng Nga", Matxcơva.
5. Rudin I.G.(1996), Những khả năng và giới hạn giải thích ý niệm các yếu tố ngôn ngữ, *Những vấn đề ngôn ngữ*, No5, tr. 39 -50.
6. Tôlxtoi L.N.(1953), Chiến tranh và hoà bình, Tập 1 và 2, NXB Văn học nghệ thuật, Matxcơva.
7. Tôlxtoi L.N.(1953), Chiến tranh và hoà bình, Tập 3 và 4, NXB Văn học nghệ thuật, Matxcơva.
8. Vinôgradôp V.V.(1959), Về ngôn ngữ văn học nghệ thuật, Matxcơva.

